

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /2015/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 146/TTr-STNMT ngày 10 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ TN&MT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng TN&MT các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVNCTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đàm Văn Bông

QUY ĐỊNH

Quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này áp dụng đối với việc quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Đối với những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến tài nguyên nước và các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Chương II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước theo quy định tại Khoản 2, Điều 12, Luật tài nguyên nước năm 2012 đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Kiểm kê tài nguyên nước

1. Việc kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh định kỳ năm (05) năm một lần, phù hợp với kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Trách nhiệm kiểm kê tài nguyên nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang; tổng hợp kết quả kiểm kê của các lưu vực sông nội tỉnh,

nguồn nước trên địa bàn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

3. Nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Trách nhiệm điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước:

a) Các Sở: Công thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Giao thông Vận tải; Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện điều tra, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành, lĩnh vực gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang; tổng hợp kết quả điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên các lưu vực sông nội tỉnh, trên địa bàn tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

2. Nội dung, biểu mẫu điều tra, nội dung báo cáo và trình tự thực hiện điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh và tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của mình và cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về sử dụng nước của mình và cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

Điều 7. Lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Kinh phí lập, điều chỉnh phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước từ ngân sách nhà nước của tỉnh.

3. Định mức, đơn giá, quy chuẩn kỹ thuật và hồ sơ quy hoạch tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan lập kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Kinh phí công bố quy hoạch tài nguyên nước từ ngân sách nhà nước của tỉnh.

Chương III

BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 9. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả

1. Xây dựng các chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng các chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức triển khai, chuyên gia, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

2. Kinh phí, lập dự toán, phân bổ, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí:

a) Kinh phí thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, tổng hợp dự toán kinh phí của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ dự toán kinh phí cho các đơn vị thực

hiện các chương trình, dự án về hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

d) Cấp phát, thanh quyết toán kinh phí: Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 10. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt

1. Lập, quản lý vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Ủy ban nhân các huyện, thành phố, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện.

2. Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt và cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành định kỳ kiểm tra các đơn vị kinh doanh nước sạch, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng các nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước.

3. Bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Hà Giang thường xuyên cập nhật thông tin dự báo, cảnh báo thời tiết, thủy văn trên địa bàn tỉnh; cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Phòng, chống sạt lở bãi sông, công bố danh mục hồ ao không được san lấp

1. Đối với những dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành nơi có dòng sông, đoạn sông, suối bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông, xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục;

báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác.

b) Trường hợp khu vực bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông nằm giữa hai tỉnh thì Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, đề xuất tổ chức cuộc họp chung hoặc thỏa thuận giữa Ủy ban Nhân dân hai tỉnh để phối hợp xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác.

2. Công bố danh mục hồ, ao không được san lấp:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập, công bố danh mục hồ, ao không được san lấp trên địa bàn tỉnh đề phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước.

Điều 12. Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ lụt, hạn hán và các tác hại do nước gây ra

1. Hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra được xây dựng trên từng lưu vực sông và phải được tích hợp chung thành hệ thống thống nhất trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Thực hiện việc cảnh báo, cung cấp và bảo đảm thông tin, số liệu phục vụ phòng, chống lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về phòng, chống lụt, bão, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

3. Kinh phí xây dựng và duy trì hoạt động của hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra do ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 13. Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt

1. Xác định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ra sự cố ô nhiễm nguồn nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp các ngành liên quan xác định các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ra sự cố ô nhiễm nguồn nước trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Việc ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước được thực hiện như sau:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ra sự cố ô nhiễm nguồn nước có trách nhiệm xây dựng phương án, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết và thực hiện các biện pháp đề kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước do mình gây ra gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ra sự cố ô nhiễm nguồn nước không thực hiện xây dựng phương án, đầu tư trang thiết bị để thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước do mình gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định rõ nguyên nhân, tổ chức, cá nhân gây ra sự cố; phối hợp giảm thiểu tác hại do sự cố gây ra; giám sát, đánh giá mức độ suy giảm chất lượng nước, thiệt hại do sự cố gây ra để yêu cầu đối tượng gây ra sự cố bồi thường thiệt hại.

d) Ủy ban nhân dân huyện nơi chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự cố ô nhiễm nguồn nước có trách nhiệm chủ động tiến hành các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, phối hợp với các địa phương có liên quan trong quá trình ngăn chặn, xử lý sự cố và báo cáo kịp thời với Sở Tài nguyên và Môi trường.

đ) Ủy ban nhân dân xã nơi xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước có trách nhiệm chủ động tiến hành các biện pháp kịp thời ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân huyện.

e) Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, ngoài việc bị xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật còn có trách nhiệm khắc phục hậu quả ô nhiễm, suy thoái nguồn nước trước mắt, cải thiện, phục hồi chất lượng nước về lâu dài và bồi thường thiệt hại do mình gây ra.

3. Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm đối với nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân các cấp nơi có nguồn nước liên tỉnh, quốc gia có trách nhiệm theo dõi, phát hiện sự cố ô nhiễm trên địa bàn; trường hợp xảy ra sự cố thì phải chủ động tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm; Xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tổ chức chỉ đạo xử lý và báo cáo với Bộ Tài nguyên và môi trường.

b) Sở Ngoại vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan tại tỉnh, quốc gia xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia để tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn và khắc phục hậu quả phù hợp với pháp luật Việt Nam; pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế liên quan.

4. Việc ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước trong trường hợp khẩn cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

5. Phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt được thực hiện:

Các nguồn nước phải được phân loại theo mức độ, phạm vi ô nhiễm, cạn kiệt và lập thứ tự ưu tiên để có kế hoạch phục hồi; Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phục hồi nguồn nước nội tỉnh.

6. Kinh phí để khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước trong trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân gây sự cố và kinh phí phục hồi các nguồn

nước bị ô nhiễm, cạn kiệt theo kế hoạch quy định tại khoản 5 Điều này do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 14. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, không phải xin phép

1. Khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình.
2. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước với quy mô nhỏ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:
 - a) Khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Quy định này;
 - b) Khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 0,1 m³/giây);
 - c) Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp không vượt quá 100 m³/ngày đêm;
 - d) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy không vượt quá 50 kW.
3. Khai thác, sử dụng nước phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học.
4. Khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về trường hợp khẩn cấp.

Điều 15. Các trường hợp xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép

1. Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình.
2. Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 5 m³/ngày đêm và không phải là cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Dệt nhuộm; may mặc có công đoạn nhuộm, in hoa; giặt là có công đoạn giặt tẩy;
 - b) Luyện kim, tái chế kim loại, mạ kim loại; sản xuất linh kiện điện tử;
 - c) Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp; thuộc da, tái chế da;
 - d) Chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất;
 - đ) Sản xuất giấy và bột giấy; nhựa, cao su, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón, hóa chất, dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm, thuốc bảo vệ thực vật; pin, ắc quy; mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa chất; chế biến tinh bột sắn, bột ngọt;
 - e) Khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế;
 - g) Thực hiện thí nghiệm có sử dụng hóa chất, chất phóng xạ.

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong các lĩnh vực được quy định tại khoản 2, Điều này thì phải có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

3. Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều này vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đó.

4. Xả nước thải nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 10.000 m³/ngày đêm hoặc nuôi trồng thủy sản trên sông, suối, hồ chứa.

Điều 16. Đăng ký khai thác nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2 và Khoản 3 Điều 14 của Quy định này mà nằm trong khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và có chiều sâu lớn hơn 20 m thì phải thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất.

2. Thẩm quyền đăng ký khai thác nước dưới đất.

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức hướng dẫn thủ tục và thực hiện đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 và thuộc điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Quy định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức hướng dẫn thủ tục và thực hiện đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 14 và thuộc điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Quy định này.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký:

a) Căn cứ Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất được phê duyệt, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn (sau đây gọi chung là tổ trưởng dân phố) thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát hai (02) tờ khai quy định tại Mẫu số 38 của Phụ lục kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước (viết tắt là Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT) cho tổ chức, cá nhân đề kê khai.

Trường hợp chưa có giếng khoan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành khoan giếng.

b) Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan đăng ký hoặc nộp cho tổ trưởng tổ dân phố để nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp cơ quan đăng ký là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan đăng ký có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện).

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả tờ khai cho cơ quan đăng ký hoặc tổ trưởng dân phố để báo cho cơ quan đăng ký và thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

5. Cơ quan đăng ký có trách nhiệm lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn; hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký tới Sở Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp cơ quan đăng ký là Ủy ban nhân dân cấp xã thì gửi báo cáo kết quả đăng ký tới Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 17. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, cấp lại giấy phép và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác về hoạt động tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép giấy phép về hoạt động tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trong các trường hợp sau:

a) Thẩm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng từ trên $50 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

b) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ trên $0,1 \text{ m}^3/\text{giờ}$ đến dưới $2 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ trên 50 kW đến dưới 2.000 kW .

d) Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp với lưu lượng từ trên $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $50.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

đ) Xả nước thải với lưu lượng từ trên $10.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $30.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.

e) Xả nước thải với lưu lượng từ trên $50 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đối với hoạt động khác.

g) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ: Hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110 milimét và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

h) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250 milimét và thuộc công trình có lưu lượng từ $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đến dưới $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, cấp lại giấy phép đối với hoạt động:

a) Khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô trên $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm đến $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

b) Xả nước thải với lưu lượng dưới $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm trong các lĩnh vực sau đây:

- Dệt nhuộm; may mặc có công đoạn nhuộm, in hoa; giặt là có công đoạn giặt tẩy.

- Luyện kim, tái chế kim loại, mạ kim loại; sản xuất linh kiện điện tử.

- Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp; thuộc da, tái chế da.

- Chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất;

- Sản xuất giấy và bột giấy; nhựa, cao su, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón, hóa chất, dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm, thuốc bảo vệ thực vật; pin, ắc quy; mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa chất; chế biến tinh bột sắn, bột ngọt.

- Khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế.

- Thực hiện thí nghiệm có sử dụng hóa chất, chất phóng xạ.

c) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ trên $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm đến $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm đối với hoạt động khác.

Điều 18. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, đình chỉ, thu hồi giấy phép thăm dò, hành nghề khoan nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Tổ chức cá nhân nộp hai (02) bộ hồ sơ tại bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang.

a) Hồ sơ xin cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo quy định tại các Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33 và Điều 34 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

b) Hồ sơ xin cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

c) Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

d) Mẫu văn bản hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a) Trình tự cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, đình chỉ, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước; hành nghề khoan thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại các Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

b) Trình tự cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014.

Điều 19. Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước

1. Điều kiện của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được quy định tại Khoản 1 Điều 39 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

2. Điều kiện của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

3. Việc chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được thể hiện bằng hợp đồng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật dân sự và có các nội dung chính theo quy định tại Khoản 3, Điều 39, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

4. Hồ sơ chuyển nhượng được quy định tại Khoản 4, Điều 39, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

5. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng:

a) Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng nộp hai (02) bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc gửi qua đường bưu điện) cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điều 18 của Quy định này trong thời hạn một (01) ngày làm việc;

b) Kiểm tra, thẩm định hồ sơ đối với trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước:

- Kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, chưa hợp lệ thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và có văn bản nêu rõ lý do.

- Thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn mười năm (15) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, quyết định và cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng. Thời hạn của giấy phép được cấp lại bằng thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp trước đó. Trường hợp đề nghị chuyển nhượng không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép chấp thuận thì tổ chức, cá nhân chuyển nhượng được tiếp tục thực hiện giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước hoặc trả lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

c) Cấp phép: Nếu đủ điều kiện để được chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng, thời hạn giải quyết là năm (05) ngày làm việc.

6. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước phải thực hiện nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Các tổ chức, cá nhân khi lập dự án đầu tư có nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

Phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 17 Quy định này cấp giấy phép trước khi quyết định việc đầu tư.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC** **VỀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường bao gồm:

Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Sở Tài nguyên và Môi trường, bao gồm:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước.

- Tổ chức thực hiện lập, công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước, kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt.

- Tổ chức thực hiện khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền, khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên lưu vực sông nội tỉnh; công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp.

- Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn tỉnh; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia theo thẩm quyền; vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

- Tổ chức thực hiện hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước.

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước.

c) Thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước, cấp lại giấy phép, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất; Thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ trước khi trình cấp giấy phép trong các trường hợp cần thiết; Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước, cấp lại giấy phép theo ủy quyền tại khoản 2 của Điều 18 của bản Quy định này.

d) Hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện quản lý tài nguyên nước trên địa bàn huyện, thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất.

đ) Hướng dẫn và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 22. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên nước của Sở, ngành, đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp cùng các cấp, các ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo quy định của pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý nguồn nước để phục vụ một cách hiệu quả, có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn và các loại rừng khác, xây dựng các công trình thủy lợi, khôi phục nguồn nước bị suy thoái cạn kiệt để bảo vệ nguồn tài nguyên nước;

c) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tiết nước hồ chứa (trừ trường hợp hồ chứa thủy điện), kế hoạch khai thác, sử dụng nước của các công trình khai thác nước trên sông theo quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền ban hành và theo kế hoạch điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông;

d) Tổng hợp tình hình khai thác tài nguyên nước phục vụ cho ngành nông nghiệp, cuối năm báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tổng hợp tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước toàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung.

3. Sở Giao thông Vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch mạng lưới giao thông thủy, các công trình giao thông theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn các quy định về bảo vệ môi trường đối với bến phà và phương tiện giao thông đường thủy, đảm bảo không gây ô nhiễm các nguồn nước.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước đến các đối tượng học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm và dài hạn cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

6. Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan cân đối, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hàng năm và dài hạn cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước; thẩm định chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan thẩm định các đề tài nghiên cứu, các ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai, chuyển giao ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

8. Sở Công thương: Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tiết nước hồ chứa thủy điện, kế hoạch khai thác, sử dụng nước của các công trình thủy điện trên sông theo quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền ban hành và theo kế hoạch điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

9. Sở Y tế: chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan giám sát chất lượng nguồn nước dùng cho sinh hoạt định kỳ theo quy định và theo yêu cầu của cơ quan chức năng và công bố những khu vực có chất lượng nguồn nước đảm bảo và không đảm bảo tiêu chuẩn dùng cho mục đích sinh hoạt; chỉ đạo, đôn đốc và giám sát các cơ sở y tế trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định hiện hành.

10. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng quy hoạch, kế hoạch khai thác tài nguyên nước phục vụ cho an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

11. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch cấp, thoát nước cho các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các doanh nghiệp

trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp vi phạm các quy định về quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

12. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang: có trách nhiệm cung cấp sơ đồ, bản đồ khoanh vùng và công bố công khai những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung cho Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu trách nhiệm đảm bảo việc cung cấp đủ lưu lượng và chất lượng nước cho các tổ chức, cá nhân tại những khu vực đã có mạng lưới cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

13. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Hà Giang: có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường danh sách và vị trí các trạm thủy văn cơ bản do ngành khí tượng thủy văn quản lý; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để làm tốt công tác cấp phép, quản lý các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh theo quy định; cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường các bản tin dự báo, nhận định tình hình thời tiết, thủy văn 10 ngày, 01 tháng, mùa vụ, tại các khu vực trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

14. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh: trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

15. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hà Giang: chịu trách nhiệm trong việc tổ chức tuyên truyền các văn bản, quy định của trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban Nhân dân tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Đề xuất, tổ chức thực hiện lập, quản lý, bảo vệ hành lang nguồn nước.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình này.

a) Bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn quản lý, bao gồm: nước dưới đất, nước trong sông, suối, ao, hồ.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt, địa điểm khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn. Đặc biệt đối với vùng thượng lưu và phải có kế hoạch bảo vệ chất lượng các nguồn nước để dùng nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn.

c) Đối với những đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông phối hợp với các ngành chức năng xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền.

a) Đối với nơi có nguồn nước liên quốc gia có trách nhiệm theo dõi, phát hiện sự cố ô nhiễm; trường hợp xảy ra sự cố thì phải chủ động tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm; xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức chỉ đạo xử lý.

b) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

c) Kiểm soát, giám sát chặt chẽ ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải trên địa bàn; trong thực hiện việc đào, xây dựng các hố chôn xác động vật chết khi có dịch, đày và thành bên các hồ phải được chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

4. Hướng dẫn UBND xã thực hiện quản lý tài nguyên nước trên địa bàn huyện.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước; thanh kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền.

6. Tổng hợp, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định.

7. Tổ chức đăng ký hoạt động khai thác nước dưới đất trên địa bàn huyện.

8. Ủy ban nhân dân huyện: Chịu trách nhiệm thu thập, lưu trữ, quản lý, dữ liệu về tài nguyên nước đối với các tổ chức, cá nhân phải đăng ký trên địa bàn; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

9. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 24. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

4. Thường xuyên kiểm tra các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo thẩm quyền. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, kịp thời có biện pháp khắc phục trong khả năng đồng thời báo cáo ngay tới Ủy ban nhân dân huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp khắc phục.

5. Quản lý việc khai thác, sử dụng nước dưới đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất phải đăng ký theo quy định tại Điều 16 của Quy định này.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn.

7. Thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng. Các giếng phải trám lấp, trách nhiệm, kỹ thuật trám lấp giếng được quy định tại Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành về việc Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.

8. Định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất cho UBND cấp huyện về tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

9. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện.

Chương V

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng và các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn có trách nhiệm lập báo cáo tình hình sử dụng tài nguyên nước của ngành, đơn vị, địa phương và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 năm sau để tổng hợp, theo dõi.

3. Nội dung, biểu mẫu báo cáo sử dụng tài nguyên nước được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 26. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương VI
KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Khen thưởng

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước.
2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 29. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến và tổ chức thực hiện Quy định này.
2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đàm Văn Bông